

Quyết định giám đốc thẩm

số: 13/2022/DS-GĐT

Ngày 27-4-2022

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Du – Thẩm phán, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Hồng Phúc;

Ông Lê Văn Minh;

Ông Trần Hồng Hà;

Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Hải Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Vương Văn Bép - Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “Tranh chấp đòi lại tài sản” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1943; cư trú tại: Canada.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Hoài N, sinh năm 1986; cư trú tại: 70 PCT, phường TA, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (văn bản ủy quyền ngày 18/9/2017, chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 26/11/2017).

- Bị đơn:

1. Ông Ngô Q, sinh năm 1943;

2. Bà Cao Thị Ngọc L, sinh năm 1952;

Cùng cư trú tại: 07/13 LQQ, phường HL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Ngô Đình Cao H1, sinh năm 1984; cư trú tại: 07/13 LQQ, phường HL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Lê Thị H (do ông Nguyễn Hoài N là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Nguồn gốc nhà, đất tranh chấp thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ 38, diện tích 908m² tọa lạc tại TỔ 10, K8, thôn XH, xã HL (nay là số 7, K13 đường LQQ, phường HL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) do cụ Ngô Thị T (sinh năm 1915, mất năm 2007) tạo lập và là tài sản riêng của cụ T. Trong quá trình sử dụng đất, cụ T là người đăng ký, kê khai qua các thời kỳ và được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/7/2005.

Năm 1990, cụ T cho vợ chồng ông Ngô Q, bà Cao Thị Ngọc L (là cháu trong họ hàng) đến ở cùng mình vì cụ T chỉ ở một mình (chồng là cụ Lê Q1 đã chết năm 1956, các con ở xa) trong khi vợ chồng ông Q, bà L chưa có chỗ ở ổn định. Cụ T và cụ Q1 có một người con duy nhất là bà Lê Thị H, sinh năm 1943, hiện đang định cư tại Canada. Nay cụ T qua đời, bà H muốn lấy lại nhà, đất mà vợ chồng ông Q, bà L đang ở nhưng vợ chồng ông Q, bà L không trả. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Q, bà L phải trả cho bà H ngôi nhà khoảng 50m², gắn liền với diện tích đất 908m² (kết quả đo vẽ ngày 27/6/2019 là 899m²), thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ 38, tọa lạc tại số 7, K13 LQQ, phường HL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn là ông Ngô Q, bà Cao Thị Ngọc L trình bày:

Nguồn gốc nhà, đất tranh chấp là của vợ chồng cụ T và cụ Q1 mua lại của người khác năm 1941. Trong quá trình chung sống, cụ Q1, cụ T không có con chung nên nhận nuôi 02 người con là bà H và bà Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1925, hiện trú tại: 26/57 đường NH, phường HL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế). Cụ T và cụ Q1 nhận nuôi bà T1 lúc khoảng 7, 8 tuổi và nhận nuôi bà H lúc khoảng 03 tháng tuổi. Năm 1956, cụ Q1 chết, bà T1 ở cùng cụ T đến khoảng 20 tuổi thì đi lấy chồng, còn bà H sống cùng vợ chồng cụ Q1, cụ T đến năm 1966 thì lấy chồng và sau đó sang định cư tại Canada cho đến nay.

Ông Q có quan hệ huyết tộc với cụ T, bố của ông Q là anh họ của cụ T nên ông Q xưng hô với cụ T là o (cô). Do các con nuôi đã đi lấy chồng và ở xa, nay ở một mình không có người chăm sóc nên cụ T gọi vợ chồng ông Q, bà L đến sống cùng từ năm 1979 cho đến năm 2007 thì cụ T qua đời. Quá trình sinh sống tại nhà, đất của cụ T, ông Q, bà L có sửa sang một phần đường vào ngôi nhà và xây dựng thêm công trình phụ. Bà H có xây dựng căn nhà bên cạnh nhà thờ và vợ chồng ông Q, bà L đang ở trong căn nhà này. Nay bà H đòi lại thửa đất tranh chấp thì phải khấu trừ cho ông Q, bà L công sức tu bổ, gìn giữ làm tăng giá trị thửa đất cũng như công sức chăm sóc và phụng dưỡng cụ T từ khi vợ chồng ông Q, bà L vào ở cho đến khi cụ T chết với tỷ lệ từ 10 đến 20% giá trị thửa đất nêu trên. Do ông Q, bà L không còn chỗ ở nào khác nên có nguyện vọng xin bà H 200m² ở vị trí cạnh nhà ông Lê Quang L1 và cạnh cổng ra vào nhà bà H, đền bù

cho vợ chồng ông Q và bà L số tiền 200.000.000 đồng để xây dựng nhà, còn đối với tài sản của ông Q, bà L trên đất đề nghị bà H xem xét bồi thường. Phía đại diện theo ủy quyền của bà H cho rằng vợ chồng ông Q, bà L có đất ở nơi khác và chỉ đồng ý hỗ trợ 100.000.000 đồng thì ông Q, bà L không đồng ý vì thửa đất này là thửa đất hương hỏa của cha mẹ ông Q, là tài sản chung của các anh em ông Q, còn ông Q chỉ là người đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 06/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 18/2018/TLST-DS ngày 06/6/2018 về tranh chấp Đòi lại tài sản. Trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho bà Lê Thị H do chưa đủ điều kiện khởi kiện.

2. Về hậu quả đình chỉ giải quyết vụ án:

Trả lại số tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị H (do ông Nguyễn Hoài N nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền số 005414 ngày 05/6/2018 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đương sự nếu có yêu cầu. Bà Lê Thị H có quyền khởi kiện lại vụ án khi có đủ điều kiện thụ lý vụ án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/11/2019, ông Nguyễn Hoài N kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 31/2020/DS-PT ngày 03/3/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoài N, người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 18/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp Đòi lại tài sản. Trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho bà Lê Thị H do chưa đủ điều kiện khởi kiện.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ông Nguyễn Hoài N (là đại diện theo ủy quyền của bà H) có đơn đề nghị xem xét Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS ngày 14/3/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án phúc thẩm số 31/2020/DS-PT ngày 03/3/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám

độc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 31/2020/DS-PT ngày 03/3/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế để xét xử sơ thẩm lại đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc nhà, đất tranh chấp thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại số 7, K13, đường LQQ, phường HL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là của cụ T, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu AB 380919 ngày 22/7/2005. Cụ T chết ngày 04/12/2007, không để lại di chúc. Hiện nay nhà, đất do vợ chồng ông Q, bà L quản lý, sử dụng. Theo lời khai của ông Q, bà L thì cụ T có 02 người con nuôi là bà H và bà T1, căn nhà hiện vợ chồng ông, bà đang ở do bà H xây dựng; nay bà H đòi lại nhà, đất thì phải khấu trừ cho vợ chồng ông, bà công sức tu bổ, gìn giữ làm gia tăng giá trị thửa đất và công sức chăm sóc, phụng dưỡng cụ T với tỉ lệ 10-20% giá trị thửa đất; đồng thời cho ông, bà 200m² để làm nhà ở và 200.000.000 đồng để xây dựng nhà, còn tài sản trên đất đề nghị bà H xem xét bồi thường. Trong khi đó, bà H cho rằng bà là con duy nhất của cụ T và không nhất trí với yêu cầu của ông Q, bà L.

[2] Tại bản dịch tiếng Việt của Văn bản thông tin liên quan đến việc đăng ký kết hôn giữa bà H và ông Trần Mậu N1 trong đó ghi thông tin “*cha mẹ của cô dâu: Le Q1 và Ngo Thi T*” và tại Bản khai nhân khẩu thường trú lập năm 1975 của cụ T có ghi thông tin “*con: Lê Thị H lấy chồng dạy học ở tại SG*” (tuy cụ T không ký tên, điểm chỉ tại Bản khai nhưng tài liệu này do Công an Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế lưu trữ tại hồ sơ hộ khẩu của cụ T). Đồng thời, những người hàng xóm sống cạnh nhà cụ T và cụ Q1 là ông Trần Hữu C, ông Lê Công L2, ông Mai Văn B đều xác nhận cụ T và cụ Q1 có 02 người con nuôi là bà H và bà T1. Ông Q, bà L cũng thừa nhận bà H là con nuôi của cụ T, trên thửa đất tranh chấp có căn nhà do bà H xây dựng và hiện nay ông, bà đang ở tại căn nhà đó. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà H chưa đủ điều kiện để khởi kiện do không xác định được mối quan hệ nhân thân giữa bà H và cụ T; từ đó đình chỉ giải quyết vụ án, trả lại đơn khởi kiện cho đương sự và Tòa án cấp phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là không có cơ sở, không phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3] Bà H có quốc tịch Canada, tại thời điểm nộp đơn khởi kiện bà H đang cư trú tại Canada nhưng đơn khởi kiện đề tên người khởi kiện là bà H chưa được hợp pháp hóa lãnh sự nên chưa đảm bảo về hình thức. Trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm khi xem xét đơn khởi kiện phải yêu cầu đương sự sửa đổi, bổ sung theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, đây là yêu cầu về hình thức của đơn khởi kiện, không phải là điều kiện khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp

phức thẩm cho rằng bà H chưa đủ điều kiện khởi kiện và căn cứ điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết vụ án, trả lại đơn khởi kiện cho đương sự là không có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS ngày 14/3/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 31/2020/DS-PT ngày 03/3/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- Vụ 9 VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Thẩm phán chủ tọa, Vụ GDKT II TANDTC (02 bản), hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Du